Câu 1: Sử dụng Vingenère, m là họ tên của sinh viên và k là maytinh

Phaintext(m): dang xuan cuong

Key(k): maytinh

* Encrypted text: palz fhhz cshvt

Giải thích: Nhìn vào bảng đối chiếu lần lượt 2 kí tự tương thích. Ví dụ: ở kí tự đầu tiên của Plaintext là “d”, em đối chiếu cột “d” và hàng của kí tự “m” thuộc Key, em ra được kí tự “p”. Em thực hiện tương tự với các kí tự còn lại. ở kí tự thứ 8,9,10 của plaintext, do Key đã hết kí tự nên em xét lại từ kí tự đầu của Key trở đi.

A screenshot of a computer

Description automatically generated

A close-up of a word search puzzle

Description automatically generated

Câu 2: Sử dụng Playfair, m là họ tên, k = “BAOMATTHONGTIN”

Plaintext(m): dang xuan cuong

Đổi thành: da ng xu an cu on gx

Key(k): BAOMATTHONGTIN

* Encrypted text: EB GI ZR NE LZ AG FO

Giải thích: chuyển plaintext thành từng cặp với mỗi cặp 2 kí tự, vì tên em dư 1 kí tự nên kí tự cuối là g sẽ được thêm kí tự x vào cuối. Cặp DA ở trong bảng nằm tự lập với nhau nên thay thế bằng 2 ký tự tương ứng trên cùng dòng ở hai góc còn lại là EB. Cặp NG nằm trên cùng một hàng nên thay thế bằng 2 ký tự tương ứng bên phải là GI. Cặp XU tương tự cặp DA thành ZR. Cặp AN nằm trên cùng một cột nên thay thế bằng 2 ký tự bên dưới là NE. Cặp CU tương tự cặp AN nằm trên cùng một hàng thành LZ. Cặp ON tương tự DA nên thành AG. Cặp GX nằm trên cùng một hàng nhưng chữ X nằm ở hàng cuối cùng nên chữ X sẽ thay thế bằng kí tự hàng trên cùng nên GX thành FO.

A screenshot of a computer

Description automatically generated

A screenshot of a computer

Description automatically generated